

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 3 – 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài.

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích T, sinh năm 1983.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Nguyễn Bích T có mặt, anh Bùi Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Bích T và anh Bùi Văn D trên cơ sở mai mối sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 11/12/2019. Hôn nhân giữa chị T và anh D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện.

Trong khoảng thời gian sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, hay cãi vã. Nguyên nhân do anh D

không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị T, tham gia vào các tệ nạn xã hội (đá gà, số đề...), chị T có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D không từ bỏ. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị T và anh D ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Chị Nguyễn Bích T yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn D.

Về con chung: Chị T và anh D có một con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 16/01/2020. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Văn D không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Trích lục khai sinh của Bùi Văn Đ (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Bích T (Bản photo); Sổ hộ khẩu (Bản photo); Xác nhận nơi cư trú người bị kiện (Bản chính); Bản khai của chị Nguyễn Bích T ngày 09/01/2023 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Bùi Văn D cư trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Bùi Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Bích T yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn D.

Xét thấy, chị T và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 11/12/2019, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân do anh D không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị T, tham gia vào các tệ nạn xã hội (đá gà, số đề...), chị T có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D không từ bỏ. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2022 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị T xác định giữa chị và anh D không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Bích T yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Bích T yêu cầu được nuôi con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 16/01/2020.

Xét thấy, hiện nay chị T đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Bùi Văn Đ. Ngoài ra, chị T xác định hiện nay có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu Đ phát triển toàn diện cả vật chất, lẫn tinh thần cần giao cháu Bùi Văn Đ cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, chị T yêu cầu nuôi con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 16/01/2020 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Bích T không yêu cầu anh Bùi Văn D cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Bích T xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh Bùi Văn D không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Bích T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bích T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Bích T được ly hôn với anh Bùi Văn D.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 16/01/2020 cho chị Nguyễn Bích T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đạt trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Chị T và anh D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016079 ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Bích T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Bùi Văn D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Minh Trần Quang Vinh

Nguyễn Minh Trung